

Bản án số:57/2023/HS-ST
Ngày21-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Minh Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Phạm Quốc Vượng

Bà Hoàng Thị Phương

- Thư ký phiên tòa:Bà Trần Thị Lan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón
Quản

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên
tòa:***Ông Dương Văn Sáu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón
Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý
số42/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số47/2023/QĐXXST-HS ngày22tháng5năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Điều Trung D, sinh năm 2002 tại Bình Phước; Nơi cư trú: Ấp S, xã T,
huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn):
3/12; dân tộc: X'Tiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin Lành; quốc tịch: Việt
Nam; con ông Điều N(đã chết)và bà Thị C, bị cáo chưa có vợ con; tiền án:
Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2023 cho
đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Điều L, sinh năm 2002 tại Bình Phước; Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện
H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 01/12; dân
tộc: X'Tiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin Lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông
Điều B(Đã chết)và bà Thị N1(Đã chết), bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không;
Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2023 cho đến nay,
có mặt tại phiên tòa.

3. Điều Hoàng N2, sinh ngày 28/10/2005 tại Bình Phước; Nơi cư trú: Ấp
B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học

vấn): 4/12; dân tộc: X'Tiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều Phương K và bà Thị M, bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 26/9/2022, bị UBND xã T, huyện Hra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 195/QĐ-XPHC số tiền 1.250.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo pháp luật của bị cáo N2: Ông Điều Phương K, sinh năm 1982 và bà Thị M, sinh năm 1985. Vắng mặt

Đchỉ: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Người bào chữa: bà Trần Thị L1- trợ giúp viên pháp lý – trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B.

** Người bị hại:*

- Công ty TNHH MTV C1

Địa chỉ: Quốc lộ A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn V, sinh năm 1967 – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đức T, sinh năm 1980. Có mặt

Địa chỉ: Tổ E, Kp . X, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước

Theo Giấy ủy quyền số 75/UQ-CSBL ngày 03/02/2023

- Ông Lê Thái L2, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Ông Lê Đình T1, sinh năm 1986 và chị Nguyễn Đình Mỹ N3, sinh năm 1988. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Hoàng Duy K1, sinh năm 1988. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ E, ấp I, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Điều T, Điều L và Điều Hoàng N4 là các đối tượng sử dụng trái phép chất ma

túy, không có nghề nghiệp ổn định nên các đối tượng đã rủ nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã T và thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 23h00 ngày 30/01/2023, Điều khiển xe mô tô đến chợ Điều T cùng đi đến nhà của Điều L, tại ấp S, xã T, huyện H để chơi. Tại đây, D và N4 đi đến Khu V thuộc ấp B, xã T, huyện H để trộm cắp cây mai bán lấy tiền tiêu xài thì N4 và L đồng ý. D điều khiển xe mô tô (kiểu dáng Wave Alpha, biển số: 93C1 – 256.31) chở L và N4 ngồi phía sau. Khi đến trước cổng Khu văn hóa Thác số 4 thấy cổng chính đã đóng nên D điều khiển xe mô tô đi theo đường đất ven hông phía bên trái để đi vòng ra phía sau. Sau đó, D dựng xe mô tô trong lô cao su rồi cùng với N4 và L đi bộ vào khu vực bên trong Khu văn hóa Thác số 4. Cả ba cùng nhau đi đến khu vực nhà truyền thống nhìn thấy có 02 cây mai (loại mai tứ quý), không có ai trông coi nên D và N4 cùng nhau dùng tay nắm lấy gốc cây mai nhấc lên, còn L đứng phía sau nhà truyền thống để canh giới. Sau khi nhổ được gốc mai, cả 03 người cùng bê cây mai ra xe mô tô (cách vị trí nhổ gốc mai khoảng 95m). N4 điều khiển xe mô tô về nhà D lấy 01 con dao chặt tía các nhánh của cây mai. Sau đó, D điều khiển xe mô tô chở N4 phía sau ôm cây mai vừa chiếm đoạt được mang đi bán, còn L cầm con dao về nhà của L để cất. D và N4 đi đến phường M, thị xã C gặp anh Hoàng Duy K1, làm nghề mua bán cây cảnh để bán cây mai. K1 hỏi về nguồn gốc cây mai thì D nói là cây mai của nhà D. K1 xem cây mai và đồng ý mua với giá 700.000 đồng. D cầm tiền rồi cùng với N4 đi đến gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch) ở chợ M1 mua ma túy hết 300.000 đồng. Còn lại 400.000 đồng D mang về chia cho L 100.000 đồng, D và N4 mỗi người 150.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐGTTTHS ngày 13/02/2023, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện H kết luận giá trị của 01 cây mai, loại mai tứ quý, cao 1,7m, hoành gốc cây 0,4m, tán rộng khoảng 2,5m tại thời điểm bị chiếm đoạt là 5.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 18h00 ngày 31/01/2023, N4 điều khiển xe mô tô biển số: 93C1 – 256.31 đến nhà của L để rủ L đi đến nhà người quen tại thị trấn T, huyện H để lấy tiền do N4 đi làm thuê mà có. Trên đường đi, N4 rủ L trộm cắp cây mai để bán lấy tiền tiêu xài thì L đồng ý. N4 điều khiển xe mô tô chở L phía sau đi đến khu vực tổ A, khu phố B, thị trấn T, huyện H thấy phía trước cổng nhà nghỉ “G” của anh Lê Thái L2 làm chủ có trồng 02 cây mai trong chậu, trong nhà không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. N4 đi vào trong sân dùng hai tay nắm

vào gốc 01 cây mai (loại mai vàng, chiều cao 2,3m, hoành gốc cây rộng 0,38m, tán rộng 1,5m) nhấc ra khỏi chậu rồi mang ra vị trí của Lđang đứng chờ. Sau đó, Lđiều khiển xe mô tô chở N4 phía sau ôm gốc mai đi đến phường M, thị xã C để bán cho Hoàng Duy K1 với giá 300.000 đồng. N4 cầm tiền rồi cùng với Lđi đến chợ M1 để mua ma túy rồi cùng nhau sử dụng hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTTTHS ngày 03/3/2023, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện H kết luận giá trị của 01 cây mai, loại mai vàng, chiều cao 2,3m, hoành gốc cây rộng 0,38m, tán rộng 1,5m, tại thời điểm bị chiếm đoạt là 4.500.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 05h00 ngày 01/02/2023, N4 tiếp tục điều khiển xe mô tô đến nhà L để chơi. Tại đây, N4 gặp D nên đã rủ D đi trộm cây mai bán lấy tiền tiêu xài thì D đồng ý. D điều khiển xe mô tô chở N4 phía sau đi đến địa bàn thị trấn T để tìm nhà dân có cây mai sơ hở nhằm chiếm đoạt. Khi đi qua trung tâm hành chính huyện H, D rẽ trái theo đường đất khoảng 200m, cả hai thấy nhà anh Lê Đình T1 có cây mai được trồng trong chậu, không có ai trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. N4 đi bộ vào dùng hai tay nắm lấy gốc cây mai (loại mai vàng, cao 1,5m, hoành gốc cây 0,26m, tán rộng 1,6m) lắc mạnh để nhấc ra khỏi chậu rồi mang ra xe mô tô. D điều khiển xe mô tô chở N4 phía sau ôm cây mai đi đường đất hướng ra xã T được khoảng 1,5km thì dừng lại để gỡ đất khỏi gốc cây mai. Sau đó, N4 lên phía trước điều khiển xe mô tô chở D phía sau ôm cây mai xuống gặp anh Hoàng Duy K1 để bán. D tiếp tục nói là mai của nhà D mang bán nên anh K1 đồng ý mua với giá 1.000.000 đồng. D cầm tiền đồ xăng hết 50.000đ, mua 300.000đ ma túy để cùng N4 sử dụng, còn lại D chia cho N4 300.000đ, D 350.000đ tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTTTHS ngày 04/3/2023, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện H kết luận giá trị của 01 cây mai, loại mai vàng, cao 1,5m, hoành gốc cây 0,26m, tán rộng 1,6m, tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 29/5/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản truy tố các bị cáo Điều Trung D1, Điều L và Điều Hoàng N4 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản giữ nguyên quan điểm của bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Điều Trung D1, Điều L và Điều Hoàng N4 phạm tội Trộm cắp tài sản; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Điều Trung D1 mức án tù từ 12 tháng đến 15 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Điều L mức án tù từ 12 tháng đến 15 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58, chương XII của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Điều Hoàng N4 mức án tù từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về trách nhiệm dân sự.

Người bào chữa cho bị cáo N4 – bà L1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS bị cáo là người dân tộc thiểu số, hiểu biết pháp luật thấp để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N4.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo D1: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, xin lỗi các bị hại, bị cáo rất ăn năn hối hận, xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm về lại cuộc đời.

Bị cáo L: Bị cáo đã biết sai xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo N4: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị cáo rất ăn năn hối hận, xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm về lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi, quyết định của cơ quan điều tra Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bị hại và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét thấy, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản kiểm tra, biên bản xác định hiện trường, kết luận định giá tài sản, vật chứng của vụ án cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ

sở xác định: Trong các ngày 30/01, 31/01 và 01/02/2023, Điều T, Điều L và Điều Hoàng N4 đã có hành vi nhốt gốc 01 cây mai tại Khu V có giá trị 5.000.000đ, 01 gốc mai của nhà anh Lê Thái L2 giá trị 4.500.000 đồng và 01 gốc mai nhà anh Lê Đình T1 có giá trị 1.500.000 đồng rồi bán cho anh Hoàng Duy K1 để lấy tiền tiêu xài.

Hành vi của các bị cáo lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của người bị hại, lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 2.000.000đ đã đủ yếu cấu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là trái quy định của pháp luật, nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

Hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây hoang mang lo lắng cho người dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương nên cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi và hậu quả đã gây ra mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, có vai trò ngang nhau trong khi thực hiện hành vi nên phải chịu hậu quả như nhau về hành vi và hậu quả mà mình đã thực hiện.

Bị cáo N4 tham gia thực hiện hành vi vào cả 03 ngày liên tiếp, tổng giá trị tài sản bị cáo tham gia chiếm đoạt là 11.000.000đ, trong đó có 02 lần tài sản chiếm đoạt trị giá trên 2.000.000đ nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Bị cáo L tham gia thực hiện hành vi vào ngày 30 và 31/01/2023, tổng giá trị tài sản bị cáo tham gia chiếm đoạt là 9.500.000đ, cả 02 lần tài sản chiếm đoạt trị giá trên 2.000.000đ nên bị cáo cũng phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Bị cáo D1 tham gia thực hiện hành vi vào các ngày 30/01 và ngày 01/02/2023 với các tài sản có giá trị là 5.000.000đ và 1.500.000đ, tổng giá trị tài sản bị cáo tham gia chiếm đoạt là 6.500.000đ. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo N4 có 01 tiền sự bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo D1 cũng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản tuy không bị xem là có tiền sự nhưng chứng tỏ bị cáo có nhân thân xấu, các bị cáo

không lấy đó làm gương lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp. chứng tỏ các bị cáo là người coi thường pháp luật, cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, và gây thiệt hại không lớn, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, hiểu biết pháp luật thấp. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS được áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

Khi phạm tội, bị cáo N4 chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các quy định tại chương XII Bộ luật hình sự khi xem xét hình phạt đối với bị cáo.

Đối với hành vi mua các tài sản do phạm tội mà có của anh Hoàng Duy K1, khi mua anh K1 không biết đây là các tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét.

[4]. Trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Lê Thái L2 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Người bị hại anh Lê Đình T1 và chị Nguyễn Đình Mỹ N3 yêu cầu bị cáo D1 và bị cáo N4 bồi thường số tiền 2.000.000đ. Bị cáo D1 và bị cáo N4 đồng ý mỗi bị cáo bồi thường cho anh T1, chị N3 số tiền 1.000.000đ, bà Thị M là người đại diện theo pháp luật của bị cáo N4, đồng ý theo ý kiến của bị cáo N4. Đây là sự tự nguyện của các bên, cần ghi nhận.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV C1 - anh Lê Đức Tyêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000đ. bị cáo D1 và bị cáo L đồng ý mỗi bị cáo bồi thường 7.000.000đ, bị cáo N4 đồng ý bồi thường số tiền 6.000.000đ, bà Thị M đồng ý theo ý kiến của bị cáo N4. Đây là sự tự nguyện của các bên, cần ghi nhận.

Do bị cáo N4 trên 15 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, theo quy định tại Điều 586 Bộ luật dân sự 2015 thì bị cáo phải bồi thường bằng tài sản của mình nếu không đủ tài sản để bồi thường thì ông Điều Phương K và bà Thị M là cha mẹ của bị cáo phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Duy K1 không yêu cầu nên không xem xét.

[5]. Vật chứng của vụ:

+ Đối với xe mô tô kiểu dáng Wave Alpha, màu đỏ - đen - bạc, biển số: 93C1 - 256.31 là tài sản của ông Điều Phương K cho N4 mượn để sử

dụng nhưng không biết việc N4 dùng làm phương tiện phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Knên không xem xét.

+ Đối với 01 cây mai, loại mai tứ quý, cao 1,7m, hoành gốc cây 0,4m (đã được cắt tỉa): đây là tài sản tại Khu văn hóa Thác số 4 của Công ty TNHH MTV C1, cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho Công ty TNHH MTV C1 nên không xem xét.

+ Đối với 01 cây mai, loại mai vàng, chiều cao 2,3m, hoành gốc cây rộng 0,38m, tán rộng 1,5m, các cành cây đã được cắt tỉa sẵn: là tài sản của ông Lê Thái L2, Cơ quan CSĐT đã thu hồi và trả lại cho ông Lê Thái L2 theo quy định nên không xem xét.

+ Đối với 01 con dao bằng kim loại, dài 39cm, cán dao có quấn vải (đã qua sử dụng). Đây là công cụ các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy theo Điều 106 – Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo N4 là có căn cứ, được chấp nhận.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm các bị cáo và người đại diện theo pháp luật của bị cáo N4 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo các bị cáo Điều Trung D1, Điều L và Điều Hoàng N4 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Điều Trung D1 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Điều L 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58; chương XII của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Điều Hoàng N409 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2023.

3. Trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Lê Thái L2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Duy K1 không yêu cầu nên không xem xét.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên:

Bị cáo Điều Trung D1 phải bồi thường cho anh Lê Đình T1 số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), bồi thường cho Công ty TNHH MTV C1 số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

Bị cáo Điều L phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV C1 số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

Bị cáo Điều Hoàng N4 phải bồi thường cho anh Lê Đình T1 số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), bồi thường cho Công ty TNHH MTV C1 số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Trường hợp, bị cáo Điều Hoàng N4 không có tài sản hoặc không đủ tài sản để bồi thường đủ số tiền trên thì ông Điều Phương K và bà Thị M phải tiếp tục bồi thường cho anh Lê Đình T1 và Công ty TNHH MTV C1 cho đến khi đủ số tiền phải bồi thường.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao bằng kim loại, dài 39cm, cán dao có quấn vải

(Vật chứng được giao theo biên bản giao nhận vật chứng số 0005919 ngày 18/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản).

5. Án phí và quyền kháng cáo:

Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Điều Trung D1 phải chịu 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), bị cáo Điều L và bị cáo Điều Hoàng N4 mỗi bị cáo phải chịu 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản
- Công an huyện Hớn Quản;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo, người bị hại, NLQ
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Hải